

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Công văn số /VKTTVBĐKH-KHTC ngày tháng 1 năm 2021)

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2967/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020; và Công văn số 180/BTNMT-KHTC ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh (nguồn vốn sự nghiệp),

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu (Viện KTTV&BĐKH) được giao thực hiện 05 dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình). Tính đến 31 tháng 12 năm 2020, Viện KTTV&BĐKH đã tổ chức nghiệm thu theo niên độ các dự án thuộc Chương trình và kết quả thực hiện của các dự án cụ thể như sau:

1. Dự án: Cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam

a) Việc tổ chức triển khai dự án

- Cơ quan quản lý Dự án: Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Đơn vị thực hiện: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Đơn vị phối hợp thực hiện : Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thời gian thực hiện Dự án: từ năm 2018 đến năm 2020

b) Kết quả thực hiện dự án:

- Mục tiêu: Cập nhật được kịch bản BĐKH và NBD cho Việt Nam và trên cơ sở đó cung cấp những thông tin về diễn biến và dự tính trong tương lai về biến đổi khí hậu và nước biển dâng phục vụ công tác ứng phó với biến đổi khí hậu của các Bộ, ngành và địa phương.

- Khối lượng, số lượng các công việc đã thực hiện: Dự án đã hoàn thành đầy đủ khối lượng, số lượng các công việc so với thuyết minh đề cương và các quyết định điều chỉnh được phê duyệt, bao gồm:

+ Thu thập bổ sung và xử lý số liệu quan trắc các yếu tố khí tượng, số liệu mực nước và độ cao sóng thời kỳ 2015-2018.

+ Đánh giá xu thế biến đổi của các yếu tố khí hậu và các hiện tượng khí hậu cực đoan; mực nước biển, sóng biển, nhiệt độ bề mặt nước biển theo số liệu cập nhật đến năm 2018.

+ Thực hiện tính toán, hiệu chỉnh thông kê đối với nhiệt độ, lượng mưa của 10 phương án mô phỏng khí hậu bổ sung bằng mô hình khu vực theo 2 kịch bản RCP4.5 và RCP8.5.

+ Tính toán xu thế biến đổi của các yếu tố khí hậu, cực đoan khí hậu cho các giai đoạn trong thế kỷ 21 từ 10 phương án mô phỏng khí hậu bổ sung theo kịch bản RCP4.5 và RCP8.5.

+ Xây dựng kịch bản tổ hợp đối với nhiệt độ, lượng mưa và đánh giá tính chưa chắc chắn của kịch bản biến đổi khí hậu (tổ hợp từ 10 phương án tính toán bổ sung và 16 phương án đã được công bố năm 2016)

+ Xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu đối với các yếu tố cực trị và một số hiện tượng cực đoan cho các giai đoạn trong thế kỷ 21 theo kịch bản RCP4.5 và RCP8.5.

+ Ứng dụng phương pháp chi tiết hóa thông kê để bổ sung kịch bản biến đổi khí hậu RCP2.6 và RCP6.0.

+ Xây dựng bộ bản đồ kịch bản biến đổi khí hậu, các hiện tượng khí hậu cực đoan cho khu vực Việt Nam cho các giai đoạn trong thế kỷ 21 theo các kịch bản RCP tỷ lệ 1:1.000.000.

+ Cập nhật kịch bản nước biển dâng và xây dựng kịch bản sóng biển cho các giai đoạn trong thế kỷ 21.

+ Đánh giá sự biến đổi của nhiệt độ, lượng mưa và các cực đoan khí hậu, mực nước biển ở Việt Nam ứng với ngưỡng nhiệt độ trung bình toàn cầu tăng 1,5oC và 2,0oC so với thời kỳ tiền công nghiệp dựa trên kết quả dự tính khí hậu của IPCC.

+ Cập nhật và xây dựng bản đồ nguy cơ ngập do nước biển dâng và báo cáo đánh giá nguy cơ ngập liên quan đến sụt lún tại một số khu vực

+ Xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng và báo cáo tổng kết dự án.

- Các kết quả đạt được của Dự án bao gồm các sản phẩm chính sau:

+ Bộ số liệu quan trắc các yếu tố khí tượng, số liệu mực nước và độ cao sóng thời kỳ 2015-2018, số liệu mô hình số độ cao, số liệu sụt lún;

+ Bộ bản đồ kịch bản biến đổi khí hậu tỷ lệ 1:1.000.000 chi tiết cho các thời kỳ trong thế kỷ theo các kịch bản RCP, bản đồ minh họa đặc trưng sóng biển;

+ Báo cáo đánh giá sự thay đổi các cực đoan khí hậu, mực nước biển dâng ở Việt Nam ứng với ngưỡng nhiệt độ trung bình toàn cầu tăng 1,5 và 2,0°C so với thời kỳ tiền công nghiệp;

+ Bộ bản đồ nguy cơ ngập do nước biển dâng, (số lượng 400 mảnh, 26 tỉnh ven biển);

+ Báo cáo đánh giá nguy cơ ngập liên quan đến sụt lún tại một số khu vực;

+ Báo cáo cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam (Dự thảo);

+ Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt dự án.

c) Số vốn bố trí cho dự án; số vốn đã giải ngân:

* *Tổng dự toán kinh phí: 7.946.671.000 đồng (Bảy tỷ chín trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm bảy một ngàn đồng), trong đó:*

- Năm 2018: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

+ Đã giải ngân 100% kinh phí năm 2018

- Năm 2019: 1.500.000 000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng)

+ Đã giải ngân 100% kinh phí năm 2019

- Năm 2020: 4.446.671.000 đồng (Bốn tỷ bốn trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm bảy một ngàn đồng)

+ Đã giải ngân 100% kinh phí năm 2020.

d) Đánh giá tác động kết quả nhiệm vụ nhiệm vụ hoàn thành đối với công tác quản lý nhà nước ngành/lĩnh vực, hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của dự án:

- Nâng cao nhận thức của các nhà quản lý, các đối tượng sử dụng khác nhau đối với khả năng biến đổi của khí hậu, góp phần vào việc khai thác hợp lý và hiệu quả tài nguyên khí hậu cũng như phòng tránh thiên tai.

- Các sản phẩm của dự án sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các các Bộ, ngành, địa phương trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

- Tạo điều kiện để các cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có điều kiện nghiên cứu, tự nâng cao trình độ chuyên môn và đào tạo cán bộ, nâng cao ý thức xã hội trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Nâng cao hiệu quả đầu tư cho các ngành kinh tế xã hội, đảm bảo chiến lược an ninh lương thực, khai thác hiệu quả nguồn nước mặt trên các lưu vực sông, tiết kiệm chi phí cho thi công công trình. Chủ động ứng phó với biến đổi

khí hậu, giảm dần thiệt hại về người, tài sản do thiên tai gây ra. Hạn chế tác hại của thiên tai đồng thời cũng gắn liền với giảm thiểu các nguy cơ về vấn đề môi trường đối với sự sống trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

e) Tồn tại, nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị

- Việc sử dụng kịch bản BĐKH và nước biển dâng cho Việt Nam trong đánh giá tác động và xây dựng các giải pháp ứng phó cũng như trong việc lồng ghép vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cần được xem xét và lựa chọn phù hợp với từng ngành, lĩnh vực và địa phương với các tiêu chí: (i) Tính đặc thù (của ngành, lĩnh vực, địa phương,...); (ii) Tính đa mục tiêu; (iii) Tính hiệu quả nhiều mặt (kinh tế, xã hội, môi trường); (iv) Tính bền vững; (v) Tính khả thi, khả năng lồng ghép với các chiến lược, chính sách và kế hoạch phát triển.

- Khi áp dụng kịch bản BĐKH và nước biển dâng, các bước sau đây được khuyến nghị: (i) Xác định các thông số khí hậu quan trọng đối với ngành và đối tượng nghiên cứu; (ii) Chọn kịch bản BĐKH và nước biển dâng từ kịch bản quốc gia; (iii) Sử dụng các công cụ tính toán và phân tích để xác định những thông tin quan trọng như sự thay đổi chế độ dòng chảy, ngập lụt, xâm nhập mặn, nước dâng do bão, biến đổi đường bờ,... để phục vụ việc xây dựng và triển khai kế hoạch hành động.

- Việc triển khai, xây dựng và thực hiện các giải pháp ứng phó với BĐKH không nhất thiết phải tiến hành đại trà ở quy mô thế kỷ, mà cần phải có sự phân kỳ thực hiện; cần phải xác định được mức độ ưu tiên dựa trên nhu cầu thực tiễn, nguồn lực có được trong từng giai đoạn để lựa chọn kịch bản phù hợp nhất.

- Theo Hiệp định Paris về BĐKH, tất cả các quốc gia đều phải hành động để giữ cho nhiệt độ toàn cầu vào cuối thế kỷ tăng ở mức dưới 2oC so với thời kỳ tiền công nghiệp. Điều này có nghĩa kịch bản RCP4.5 có nhiều khả năng xảy ra hơn so với các kịch bản RCP khác.

- Kịch bản RCP4.5 có thể được áp dụng đối với các tiêu chuẩn thiết kế cho các công trình mang tính không lâu dài và các quy hoạch, kế hoạch ngắn hạn.

- Kịch bản RCP8.5 cần được áp dụng cho các công trình mang tính vĩnh cửu, các quy hoạch, kế hoạch dài hạn.

- Kịch bản BĐKH và nước biển dâng luôn tồn tại những điểm chưa chắc chắn vì còn phụ thuộc vào việc xác định các kịch bản phát thải khí nhà kính (phát triển kinh tế - xã hội ở quy mô toàn cầu, mức tăng dân số và mức độ tiêu dùng của thế giới, chuẩn mực cuộc sống và lối sống, tiêu thụ năng lượng và tài nguyên năng lượng toàn cầu, vấn đề chuyển giao công nghệ giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển, việc thay đổi sử dụng đất, ...), những hiểu biết còn hạn chế về hệ thống khí hậu toàn cầu và khu vực, quá trình tan băng, phương pháp xây dựng kịch bản và mô hình toán, ... Do đó, khi sử dụng kịch bản BĐKH trong đánh giá tác động của BĐKH, cần xem xét và phân tích cẩn thận mọi khả năng có thể xảy ra của khí hậu tương lai. Với kịch bản nước biển dâng, có thể xem xét một tập hợp các dự tính để đánh giá được hệ quả của các

mức dâng khác nhau, xác định khả năng chịu rủi ro liên quan đến các mức dâng đó. Khuyến nghị sử dụng một tập hợp các dự tính phù hợp với các mức độ rủi ro thấp, trung bình và cao để đánh giá các tác động, hậu quả và phản ứng tiềm ẩn. Người sử dụng nên tham vấn ý kiến chuyên gia để xác định các giá trị cũng như khoảng biến đổi phù hợp nhất trong quá trình lập kế hoạch.

- Người sử dụng kịch bản nước biển dâng cũng cần tham khảo các yếu tố hải văn cục đoạn để xác định cấp, quy mô công trình đảm bảo khả năng phòng chống theo tuổi thọ của công trình. Các tỉnh thành khu vực phía Nam cần đánh giá thêm mức độ tăng của yếu tố sóng biển trong tương lai.

- Mô hình khí hậu đang được tiếp tục phát triển để nâng cao mức độ chắc chắn của kịch bản BĐKH và nước biển dâng. Kịch bản BĐKH và nước biển dâng sẽ được tiếp tục cập nhật theo lộ trình của Ban liên chính phủ về BĐKH. Vì thế việc đánh giá tác động và khả năng bị tổn thương cần được rà soát, cập nhật khi kịch bản mới được công bố. Năm 2018 IPCC đã công bố báo cáo đặc biệt về kịch bản nồng độ khí nhà kính và các tác động khi nhiệt độ toàn cầu tăng 1,5°C so với thời kỳ tiền công nghiệp. Trên cơ sở đó, Việt Nam đã xây dựng báo cáo đánh giá sự biến đổi của các cực đoan khí hậu ở Việt Nam khi nhiệt độ toàn cầu tăng 1,5°C so với thời kỳ tiền công nghiệp.

- Kịch bản BĐKH và nước biển dâng chỉ xét đến sự biến đổi của các yếu tố khí hậu và mực nước biển dâng trung bình do BĐKH. Bản đồ nguy cơ ngập được xây dựng dựa trên mực nước biển dâng trung bình do BĐKH. Các yếu tố động lực khác có liên quan như sự nâng hạ địa chất, sự thay đổi địa hình, sụt lún đất do khai thác nước ngầm, thay đổi đường bờ biển, ảnh hưởng của thủy triều, nước dâng do bão, nước dâng do gió mùa, ảnh hưởng của các công trình thủy điện bậc thang, xâm nhập mặn, ... chưa được xét đến trong kịch bản này. Các công trình giao thông và thủy lợi như đê biển, đê sông, đê bao, đường giao thông, ... cũng chưa được xét đến khi xây dựng bản đồ nguy cơ ngập do nước biển dâng.

Vì thế, khi sử dụng kịch bản BĐKH và nước biển dâng để đánh giá tác động của BĐKH, những yếu tố động lực nêu trên cần được xét đến trong tính toán, đặc biệt là nâng hạ địa chất, sụt lún do khai thác nước ngầm, các công trình hạ tầng, giao thông và thủy lợi, lũ và ngập lụt do lũ cần được tính đến cùng với nước biển dâng do BĐKH trong xác định ngập lụt.

2. Dự án: Xây dựng hệ thống Cơ sở dữ liệu về Biến đổi khí hậu cho Việt Nam

a) Việc tổ chức triển khai dự án

- Cơ quan quản lý Dự án: Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Đơn vị thực hiện: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp thực hiện : Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thời gian thực hiện Dự án: từ năm 2018 đến năm 2020.

b) Kết quả thực hiện dự án

- Mục tiêu: Nâng cao năng lực quản lý và giám sát và tăng cường khả năng ứng phó với BĐKH trong các ngành, lĩnh vực, khu vực góp phần thực hiện hiệu quả chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH, tăng trưởng xanh và Chiến lược quốc gia về BĐKH nhằm đảm bảo tính thống nhất và bao quát.

- Khối lượng, số lượng các công việc đã thực hiện: Dự án đã hoàn thành đầy đủ khối lượng, số lượng các công việc so với thuyết minh đề cương và các quyết định điều chỉnh được phê duyệt, bao gồm:

+ Thu thập thông tin biến đổi khí hậu một cách toàn diện, tổng thể nhằm phục vụ công tác ứng phó với BĐKH;

+ Xây dựng kiến trúc tổng thể cho CSDL các giai đoạn nhằm thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của quốc gia, ngành, lĩnh vực, khu vực;

+ Xây dựng phần mềm phục vụ cho công tác truy vấn, cập nhật nhanh thông tin trên CSDL trung tâm và hỗ trợ ra quyết định cho các cơ quan, ban ngành;

+ Xây dựng qui trình cập nhật và phối hợp, cập nhật CSDL về BĐKH và các hướng dẫn có liên quan.

- Các kết quả đạt được của Dự án bao gồm các sản phẩm chính sau:

+ CSDL phục vụ công tác xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của quốc gia, ngành, lĩnh vực, khu vực.

+ Phần mềm phục vụ cho công tác truy vấn, cập nhật nhanh thông tin trên CSDL trung tâm và hỗ trợ ra quyết định cho các cơ quan, ban ngành.

+ Quy trình hướng dẫn bổ sung và cập nhật nguồn cơ sở dữ liệu theo thời gian và cơ chế khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu.

+ Báo cáo tổng kết.

c) Số vốn bố trí cho dự án; số vốn đã giải ngân

* *Tổng dự toán kinh phí:* 7.060.620.000 đồng (Bảy tỷ, không trăm sáu mươi triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó:

- Năm 2018: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

+ Đã giải ngân 100% kinh phí năm 2018

- Năm 2019: 1.443.620.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng)

+ Đã giải ngân 100% kinh phí năm 2019

- Năm 2020: 5.117.000.000 đồng (Năm tỷ, một trăm mười bảy triệu đồng)
- + Đã giải ngân 100% kinh phí năm 2020.

3. Dự án: Đánh giá khí hậu quốc gia

a) Việc tổ chức triển khai dự án

- Cơ quan quản lý Dự án: Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Đơn vị thực hiện: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Đơn vị phối hợp thực hiện : Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Thời gian thực hiện Dự án: từ năm 2018 đến năm 2020

b) Kết quả thực hiện dự án

- Mục tiêu: Đánh giá khí hậu quốc gia được thực hiện nhằm tăng cường năng lực quốc gia trong dự báo diễn biến và tác động của biến đổi khí hậu, thực hiện các hoạt động thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

- Khối lượng, số lượng các công việc đã thực hiện: Dự án đã hoàn thành đầy đủ khối lượng, số lượng các công việc so với thuyết minh đề cương và các quyết định điều chỉnh được phê duyệt, bao gồm:

- + Kế thừa, thu thập, phân tích dữ liệu và tài liệu liên quan đến nội dung thực hiện của dự án;
- + Đánh giá hiện trạng khí hậu Việt Nam;
- + Đánh giá dao động biến đổi của khí hậu Việt Nam so với trung bình khí hậu;
- + Đánh giá tác động của BĐKH đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái;
- + Đánh giá tác động của BĐKH tới các hoạt động kinh tế-xã hội;
- + Đánh giá các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ BĐKH;
- + Đánh giá mức độ phù hợp của kịch bản biến đổi khí hậu, việc sử dụng kịch bản biến đổi khí hậu trong hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu;
- + Xây dựng dự thảo báo cáo đánh giá khí hậu quốc gia.
- Các kết quả đạt được của Dự án bao gồm các sản phẩm chính sau:
 - + Bộ dữ liệu, tài liệu về khí hậu, BĐKH, tác động của BĐKH tới KT-XH, các hoạt động ứng phó BĐKH tới thời kỳ đánh giá.
 - + Báo cáo đánh giá hiện trạng khí hậu Việt Nam đến năm cuối của kỳ đánh giá.
 - + Báo cáo đánh giá dao động khí hậu của khí hậu Việt Nam so với trung bình khí hậu.

+ Báo cáo đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế-xã hội và các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên lĩnh vực.

+ Báo cáo đánh giá các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

+ Báo cáo đánh giá mức độ phù hợp của kịch bản BĐKH, việc sử dụng kịch bản BĐKH trong hoạt động ứng phó với BĐKH.

+ Báo cáo tổng kết.

+ Dự thảo Báo cáo Đánh giá khí hậu quốc gia.

c) Số vốn bố trí cho dự án; số vốn đã giải ngân

* *Tổng dự toán kinh phí*: 3.411.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm mười một triệu đồng), trong đó:

- Năm 2018: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

+ Đã giải ngân 100% kinh phí năm 2018

- Năm 2019: 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng)

+ Đã giải ngân 100% kinh phí năm 2019

- Năm 2020: 1.411.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm mười một triệu đồng)

+ Đã giải ngân 100% kinh phí năm 2020.

4. Dự án: Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

a) Việc tổ chức triển khai dự án

- Cơ quan quản lý Dự án: Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Đơn vị thực hiện: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp thực hiện : Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thời gian thực hiện Dự án: từ năm 2018 đến năm 2020

b) Kết quả thực hiện dự án

- Mục tiêu: Cập nhật được Kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 phục vụ triển khai thực hiện Nghị quyết 24 của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu.

- Khối lượng, số lượng các công việc đã thực hiện: Dự án đã hoàn thành đầy đủ khối lượng, số lượng các công việc so với thuyết minh đề cương và các quyết định điều chỉnh được phê duyệt, bao gồm:

+ Tổng hợp, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các văn bản liên quan đến biến đổi khí hậu của quốc gia, Bộ/ngành và địa phương đã được ban hành trong giai đoạn 2011-2018;

+ Tổng hợp hiện trạng và tác động của BĐKH đến các ngành/lĩnh vực và khu vực;

+ Phân tích các yêu cầu của quốc tế liên quan đến biến đổi khí hậu và xác định các thách thức, cơ hội của biến đổi khí hậu đối với quốc gia, khu vực, ngành/lĩnh vực;

+ Tổng hợp đánh giá mức độ rủi ro do biến đổi khí hậu đến các ngành/lĩnh vực;

+ Lựa chọn các giải pháp thích ứng, giảm nhẹ phát thải KNK, tăng cường năng lực, tài chính, MRV, thể chế, chính sách và các nhiệm vụ, dự án ưu tiên về thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với quốc gia, ngành, lĩnh vực;

+ Xây dựng lộ trình triển khai và nguồn lực thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu theo từng giai đoạn (2021-2025, 2026-2030);

+ Lồng ghép các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ phát thải KNK vào các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án khác của quốc gia và Bộ/ngành/âu;

+ Dự thảo kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

- Sản phẩm, kết quả của Dự án:

Dự thảo Kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

c) Số vốn bố trí cho dự án; số vốn đã giải ngân

* *Tổng dự toán kinh phí: 2.822.000.000 đồng (Hai tỷ, tám trăm hai mươi hai triệu đồng), trong đó:*

- Năm 2018: 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*).

+ Đã giải ngân 100% kinh phí năm 2018

- Năm 2019: 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*)

+ Đã giải ngân 100% kinh phí năm 2019

- Năm 2020: 622.000.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi hai triệu đồng*)

+ Đã giải ngân 100% kinh phí năm 2020.

d) Đánh giá tác động kết quả nhiệm vụ nhiệm vụ hoàn thành đối với công tác quản lý nhà nước ngành/lĩnh vực, hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của dự án:

- Dự án được phát triển trên các cơ sở vật chất đã có, tận dụng hết thông tin đã có, kế thừa từ các sản phẩm của dự án, đề tài đã được thực hiện tại Viện Khoa học KTTV & BĐKH và các đơn vị có liên quan. Dự án cung cấp bức tranh toàn cảnh về các vấn đề liên quan đến những cơ hội và thách thức của BĐKH; rủi ro của của BĐKH đến ngành/lĩnh vực; các tác động của BĐKH đến

ngành/lĩnh vực và các vấn đề liên quan đến lồng ghép BĐKH vào các chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Từ đó dự án góp phần vào việc tăng cường khả năng ứng phó với BĐKH nhằm giảm thiểu những ảnh hưởng do BĐKH gây ra đối với cộng đồng và xã hội, nhằm giảm bớt gánh nặng về nguồn chi ngân sách cho các hoạt động ứng phó với BĐKH nói chung. Bên cạnh đó, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy nền kinh tế phát triển bền vững.

Khi thực hiện kế hoạch, các ngành, các địa phương có cơ hội nâng cao được trình độ công nghệ, nâng cao hiệu quả kinh tế cho các hoạt động của ngành, của địa phương và của từng người dân. Bên cạnh đó, việc thực hiện đầy đủ các nội dung và nhiệm vụ của Kế hoạch sẽ góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng, đẩy mạnh công bằng xã hội, hình thành nếp sống văn minh trong ứng phó với BĐKH.

Việc thực hiện đầy đủ các nội dung và nhiệm vụ của Kế hoạch sẽ góp phần chung tay với thế giới bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất, giảm nhẹ các tác hại do BĐKH, đồng thời tăng cường bề hấp thụ, từ đó sẽ cải thiện được chất lượng môi trường sống, duy trì và bảo tồn các hệ sinh thái và tránh các thảm họa của thiên tai gây ra. Bên cạnh đó, kiểm soát được tốc độ tăng phát thải KNK, giảm nhẹ tác động của BĐKH đến môi trường sống của con người như: giảm thiểu ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước mặt và nước ngầm, sản xuất nông nghiệp an toàn và sản xuất công nghiệp sạch hơn, giảm khả năng lây lan bệnh tật và ô nhiễm sau thiên tai.

5. Dự án: Đánh giá mức độ rủi ro và tính dễ bị tổn thương do BĐKH, xác định nhu cầu thích ứng và nhu cầu giải quyết các vấn đề liên quan đến tổn thất và thiệt hại

a) Việc tổ chức triển khai dự án

- Cơ quan quản lý Dự án: Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Đơn vị thực hiện: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Đơn vị phối hợp thực hiện : Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Thời gian thực hiện Dự án: từ năm 2018 đến năm 2020

b) Kết quả thực hiện dự án

- Mục tiêu: Dự án đã hoàn thành đầy đủ mục tiêu đề ra theo thuyết minh được duyệt và đáp ứng được yêu cầu của dự án được duyệt.
- Khối lượng, số lượng các công việc đã thực hiện: Dự án đã hoàn thành đầy đủ khối lượng, số lượng các công việc so với thuyết minh đề cương và các quyết định điều chỉnh được phê duyệt, bao gồm:

+ Thu thập thông tin về điều kiện kinh tế - xã hội và tình hình các tỉnh/thành chọn đánh giá bị ảnh hưởng bởi BĐKH;

+ Điều tra và thu thập thông tin, số liệu về hoạt động sản xuất nông nghiệp, dân cư tại các tỉnh/thành chọn đánh giá bị ảnh hưởng bởi BĐKH;

+ Đánh giá tính dễ bị tổn thương do BĐKH cho lĩnh vực nông nghiệp và dân cư;

+ Đánh giá mức độ rủi ro, TT&TH do BĐKH gây ra đối với lĩnh vực nông nghiệp, dân cư của các tỉnh/thành chọn đánh giá;

+ Xác định nhu cầu thích ứng (nhu cầu tăng cường năng lực thích ứng), nhu cầu giải quyết các vấn đề liên quan TT&TH, và đề xuất các giải pháp thích ứng với BĐKH cho các tỉnh/thành chọn đánh giá;

+ Đề xuất các giải pháp tăng cường năng lực thích ứng với BĐKH cho các lĩnh vực nông nghiệp và dân cư cho các tỉnh/thành được lựa chọn để thực hiện thí điểm dự án;

+ Xây dựng khung hướng dẫn đánh giá mức độ rủi ro, tính dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại.

- Các kết quả đạt được của Dự án bao gồm các sản phẩm chính sau:

+ Bộ số liệu về kinh tế, xã hội, khí tượng thủy văn, thời tiết cực đoan... và hiện trạng NBD tại các vùng ven biển, thông tin về hoạt động sản xuất nông nghiệp, dân cư tại các tỉnh/thành được chọn để triển khai dự án bị ảnh hưởng bởi BĐKH.

+ Khung hướng dẫn đánh giá mức độ rủi ro, tính dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại.

+ Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt

c) Số vốn bố trí cho dự án; số vốn đã giải ngân

* *Tổng dự toán kinh phí*: 4.102.839.106 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, một trăm linh hai triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn, một trăm linh sáu đồng./.), trong đó:

- Năm 2018: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng./.).

+ Đã giải ngân 100% kinh phí năm 2018.

- Năm 2019: 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng./.)

+ Đã giải ngân 100% kinh phí năm 2019.

- Năm 2020: 3.402.839.106 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, bốn trăm linh hai triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn, một trăm linh sáu đồng./.)

+ Đã giải ngân 100% kinh phí năm 2020.